

Số : 6140/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt Điều lệ của Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari
Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo Biên bản Đại hội thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2014 - 2019 vào ngày 20 tháng 9 năm 2014;

Xét đề nghị của Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 631/LH-QHQT ngày 03 tháng 10 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1026/TTr-SNV ngày 11 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh đã được Đại hội thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2014 - 2019 thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Dân vận Thành ủy;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Sở Nội vụ (3b); Sở Ngoại vụ;
- Công an Thành phố;
- VPUB: các PVP; Các Phòng CV;



Tất Thành Cang

ĐIỀU LỆ

Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6140/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tên tiếng nước ngoài: The Vietnam - Bulgaria Friendship Association in Ho Chi Minh City.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của các tổ chức, cá nhân tự nguyện thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích hoạt động của Hội là xây dựng và mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị hợp tác giữa nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng với nhân dân Bungari.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari Thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản riêng, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
- Trụ sở của Hội đặt tại: 31 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

- Hội hoạt động trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, trong lĩnh vực ngoại giao nhân dân nhằm góp phần củng cố và phát triển tình hữu nghị đoàn kết giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Bungari.
- Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hội là thành viên của Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

2. Tổ chức các hoạt động nhằm củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch thể thao khoa học kỹ thuật giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Bungari.

3. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân Bungari về đất nước con người Việt Nam, về đường lối chính sách của Nhà nước Việt Nam, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Bungari đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước của nhân dân Việt Nam.

5. Góp phần thông tin về tình hình đất nước và con người Bungari với nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

6. Tham gia cùng Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố và Trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam - Bungari trong các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị hợp tác phát triển của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, Việt Nam nói chung với nhân dân Bungari và nhân dân các nước.

7. Xây dựng Hội thành một tập thể đoàn kết, đồng lòng, tương thân tương ái, hiểu biết, giúp đỡ lẫn nhau, trong các hoạt động xã hội, nghề nghiệp và trong cuộc sống.

8. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam sống và hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực hữu nghị ngoại giao nhân dân, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội và được Ban Thường vụ Hội chấp thuận, đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết: Các cá nhân, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh có đóng góp cho Hội, tự nguyện, tán thành Điều lệ Hội, được Ban Thường vụ Hội đồng ý và công nhận là Hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự: Các cá nhân sống và hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Hội, nhưng không có điều kiện tham gia thường xuyên các hoạt động của Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Thường vụ Hội xét và công nhận là Hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

- Là công dân Việt Nam không vi phạm pháp luật, có đầy đủ quyền công dân theo luật pháp Việt Nam.

- Tuân thủ tôn chỉ, mục đích của Hội một cách tự nguyện.

Điều 9. Quyền của hội viên chính thức

1. Tham gia các hoạt động của Hội và được Hội tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các hoạt động đó.

2. Được Hội cung cấp thông tin về quan hệ hai nước. Được Hội giúp đỡ trong khả năng, chức năng của Hội và theo quy định của pháp luật.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được quyền tham gia các Hội, Hiệp hội khác.

6. Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

7. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Chấp hành Điều lệ, chủ trương và nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm củng cố và phát triển tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và Bungari.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Tuyên truyền mục đích và Điều lệ Hội để phát triển hội viên mới nhằm mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên:

- Hội viên nộp "Phiếu đăng ký gia nhập Hội" theo mẫu.

- Ban Thường vụ Hội phê chuẩn việc kết nạp hội viên mới.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

- Hội viên không còn muốn tham gia Hội, có thể làm đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ Hội.

- Ban Thường vụ Hội xem xét và phê chuẩn việc ra khỏi Hội và thông báo cho hội viên đó biết.

3. Ban Thường vụ Hội báo cáo cho Ban Chấp hành Hội tại phiên họp định kỳ về tình hình kết nạp hội viên mới và tình hình xóa tên hội viên xin ra khỏi Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội (được thành lập theo qui định của pháp luật).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);

c) Thông qua báo cáo tài chính của Hội;

d) Chia tách, sáp nhập, giải thể Hội (nếu có vấn đề phát sinh);

đ) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

e) Báo cáo tài chính, tài sản Hội;

f) Xem xét các vấn đề khác theo qui định Điều lệ Hội;

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 50% số đại biểu chính thức tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp tối thiểu 2 lần để sơ kết tình hình hoạt động của Hội, kiểm điểm công tác. Ban Chấp hành có thể họp đột xuất khi có yêu cầu của Ban Thường vụ. Các quyết định của Ban Chấp hành được lấy biểu quyết theo đa số thành viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội;

c) Ban Chấp hành được cử bổ sung hoặc cho thôi chức Ủy viên Ban Chấp hành Hội nhưng không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra;

d) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

